

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/02/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		- TD2	7:25	16	0		16	0	
2		- P1+P4	7:25	13+9	0+0		0+10	0+0	
3		- PPD+TD3+CTK3	7:25	22+0+0	0+0+0		16+3+1	0+0+0	
4		- PVD2+VSP01+RP2	7:25	6+1+15	0+0+0		4+1+17	0+0+0	
5		- RC3+RC5+P10	7:25	8+1+13	0+0+0		5+3+12	0+0+0	Chuyen 1 RC5-P10
6		- RP3+RP2	9:25	20+2	0+0		15+4	0+0	
7		- P4+AMD	9:25	13+9	0+0		0+22	0+0	
8		- P4+CLO	9:25	8+14	0+0		3+0	0+0	
9		- CTC1+RP2	9:25	8+14	0+0		8+13	0+0	
10		- TD2	11:00	14	0		14	0	
11		- BK5+PPD+RC3	11:25	0+21+0	0+0+0		0+10+5	0+0+0	Chuyen 1 BK5-PPD
12		- TD2	11:25	14	0		13	0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2	CREW: HHai - Nam	ETA: 10:40
XANH-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN CHÍNH	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
2	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	37	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
3	LY ANH TUÂN	TD2	52	1	4		90	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VĂN BẮC	TD2					79	KHOAN	Vietnamese
5	NGÔ VĂN BẮC	TD2	50	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
6	BUI NGỌC ĐO	TD2	43	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO VĂN CUÔNG	TD2	35	1	2		73	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VIỆT HA-PVD	TD2	36	1	5	120	76	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG ĐÌNH THẮNG	TD2	34	1	2		56	KHOAN	Vietnamese
10	TRÌNH QUANG HUY	TD2					67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	TD2	38	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
12	MAKXIMOV	TD2	41	1	10		119	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN QUANG TUYẾN	TD2					57	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI TRỌNG SƠN	TD2	42	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH TRI	TD2	39-40	2	8		69	KH-THAC	Vietnamese
16	KHÔNG THAI BÌNH	TD2					75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

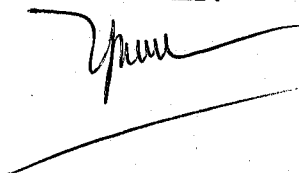
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	12	58	1.184	120	16		
	TOTAL	16	12	58	1.184	120	16		
	WEIGHT KG			58	1.184	120			

GRAND TOAL: 1.362 KGS

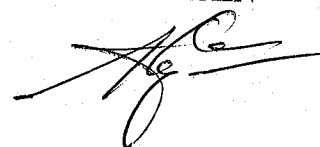
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2021	TO: P1 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:31
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hồi - ĐNam - Luy	ETA: 09:10
cam-1			

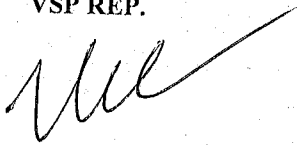
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC THĂNG	P1	61-62	2	16		66	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI QUANG CONG	P1	52-53	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN CẨM	P1	46	1	15	30	65	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ XUÂN HAI	P1	57-58	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TUYẾN	P1	49-51	3	15		75	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN Y	P1	45	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐINH VĂN TRƯỜNG	P1	66	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH HOÀNG	P1	67	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN LÂM	P1	64-65	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ CÔNG THỜI	P1	63	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VIỆT QUANG	P1	47-48	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN THĂNG	P1	59-60	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
13	HOÀNG ĐÌNH VINH	P1	54-56	3	17		67	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ HOÀNG THỊ	P4	83	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ TRƯỜNG NAM	P4	82	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
16	HÀ QUỐC VIỆT	P4	84	1	5		65	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN LÊ HUY	P4	46	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	PHẠM TRẠI	P4	81	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	KOLECHIK A.I.O	P4	80	1	10		103	KHI	Russian
20	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	45	1	5		72	KHI	Vietnamese
21	TẠ XUÂN HIỆU	P4	79	1	5		65	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH CANG	P4	47	1	5		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

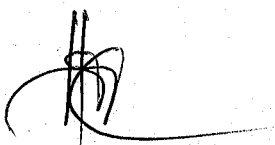
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	13	23	192	901	30	0		
2	P4	9	9	50	635	0	10		
TOTAL		22	32	242	1.536	30	10		
WEIGHT KG				242	1.536	30			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 03	TO: PPD - TD3 - CTK3	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG	ETA: 09:30
NAU-1			

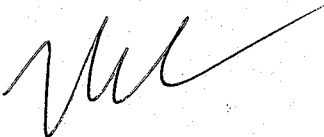
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TÀI	PPD	64	1	5	50	74	KHI	Vietnamese
2	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	70	1	4		58	KHI	Vietnamese
3	PHẠM THANH BÌNH	PPD	51	1	5		81	KHI	Vietnamese
4	LÊ MINH PHỤNG	PPD	60-61	2	12		72	KHI	Vietnamese
5	KHARITONOV	PPD	47-48	2	15		77	KHI	Russian
6	BERNHIKOV V.N	PPD	52	1	8		110	KHI	Russian
7	NGUYỄN ANH TÀI	PPD	62	1	5		72	KHI	Vietnamese
8	VŨ THANH BÌNH	PPD	53	1	5		75	KHI	Vietnamese
9	ĐỖ MINH QUÂN	PPD	57	1	10		91	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÀI	PPD	59	1	4		71	KHI	Vietnamese
11	PHẠM HAI QUANG	PPD	66	1	4		75	KHI	Vietnamese
12	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	49-50	2	20		85	KHI	Vietnamese
13	DOÀN VIỆT ĐIệp	PPD	67	1	5		55	KHI	Vietnamese
14	PHUNG VĂN CHÍNH	PPD	56	1	5		77	KHI	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	54-55	2	14		69	KHI	Vietnamese
16	VŨ ĐỨC HOANG	PPD	63	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	68	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN DOÀN HƯƠNG	PPD	71-72	2	15		69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	69	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGOC DU	PPD	65	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐANG	PPD	58	1	3		65	KHI	Vietnamese
22	BUI THANH	PPD							

FLIGHT PLAN

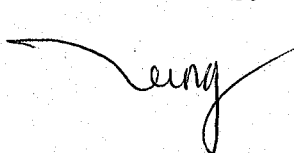
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	26	154	1.637	50	18		1 NB DINH HONG THANG NGOI GHE PHU
2	TD3	0	0	0	0	0	3		
3	CTK3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	26	154	1.637	50	22		
WEIGHT KG				154	1.637	50			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

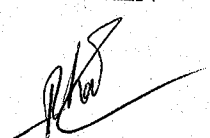
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 04	TO: PVD2 - VSP01 - RP2	CREW: QViệt - MTHAO - DTùng	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	32	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HUY TU	PVD2	36-37	2	12		73	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM VAN THOM	PVD2	34-35	2	20		70	KHOAN	Vietnamese
4	VU HIEN GIANG	PVD2	38-39	2	12		62	KHOAN	Vietnamese
5	DOAN MANH CUONG	PVD2	40-41	2	10	140	68	KHOAN	Vietnamese
6	TO VAN DUC	PVD2	33	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
7	GEFTMAN M. R.	VSP01	91	1	10		104	KH-THAC	Russian
8	TAPACEHKO A.A	RP2	56	1	14		78	KH-THAC	Russian
9	NGUYEN HUNG CUONG	RP2	48-49	2	10		84	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH XUAN GIANG	RP2	53	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN LIEM	RP2	54	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DUY HUNG	RP2	52	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	LUU VAN DIEN	RP2	47	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐO VAN DUNG	RP2	51	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO ĐUC CUONG	RP2					78	KH-THAC	Vietnamese
16	LE LAM	RP2					69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG VINH	RP2	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOAN KIM NGAN	RP2	57	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
19	LUONG NGOC THANH	RP2	58	1	5		98	KH-THAC	Vietnamese
20	LE ĐUC OANH	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
21	LE CHI CONG	RP2	55	1	4		92	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG NGOC LAN	RP2					85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

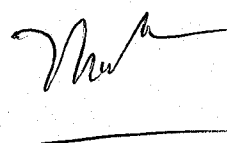
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	6	10	67	404	140	4		
2	VSP01	1	1	10	104	0	1		
3	RP2	15	12	73	1.128	0	17		
TOTAL		22	23	150	1.636	140	22		
WEIGHT KG				150	1.636	140			

GRAND TOAL: 1.926 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 05	TO: RC3 - RC5 - P10	CREW: VThắng - NPhú - Năm	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TÂN TÀI	RC3	45	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
2	YANCHENKO	RC3	27	1	5		80	ANTOAN	Russian
3	PHẠM TRUNG KIẾN	RC3	29	1	3	20	70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ KHÁNH NAM	RC3	30-31	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THẾ MẠNH	RC3					75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN HAI VIỆT	RC3	33	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG MINH KHÁNH	RC3	28	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRUNG TIẾN	RC3	32	1	5		72	GETRACO	Vietnamese
9	VŨ ANH TUẤN	RC5	42-44	3	18		67	CODIEN	Vietnamese
10	DƯƠNG ĐIệp PHI	P10					77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG THUY	P10					68	KHOAN	Vietnamese
12	CAO ĐÌNH THÀNH	P10					58	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HẬU	P10	08	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
14	NHÂM ĐỨC QUANG	P10	09	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC DỤC	P10	10	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU NAM-PVD	P10	03	1	5	80	88	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUYNH	P10	07	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN HOA	P10	04	1	10	12	75	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ XUÂN TUYẾN	P10	02	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
20	NG. XUÂN QUANG-PVDT	P10	06	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH HÙNG	P10	05	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
22	DINH VAN DONG	P10	17	1	10		60	DVLY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	8	8	40	596	20	5		
2	RC5	1	3	18	67	0	3	+1	
3	P10	13	10	54	888	92	12		CHUYEN 1 PAX RC5->P10
TOTAL		22	21	112	1.551	112	20		
WEIGHT KG				112	1.551	112			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2021	TO: RP3 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hồi - ĐNam - Luy	ETA: 11:10
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	15	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN SEN	RP3	10	1	7		67	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	11	1	5		60	KHI	Vietnamese
4	TU NGỌC HAI	RP3	07-08	2	15	15	72	KHI	Vietnamese
5	LAM TIEN PHI	RP3	12	1	10		80	KHI	Vietnamese
6	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	19	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	BUI VĂN HUNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
8	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	17-18	2	15		75	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	13	1	12		76	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	16	1	4		75	KHI	Vietnamese
11	PHẠM DUY DŨNG	RP3					70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC BAO BÌNH	RP3	04	1	6		65	KHI	Vietnamese
13	PHẠM VĂN LẬP	RP3					60	KHI	Vietnamese
14	PHẠM BÌNH NAM	RP3	09	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	PHẠM HỒNG LINH	RP3	14	1	2		67	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VƯƠNG HUNG	RP3					83	KHI	Vietnamese
17	TRẦN VĂN VIỆT	RP3	02-03	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ XUÂN TUNG	RP3	01	1	15		70	XAY LAP	Vietnamese
19	LÊ THANH HAI	RP3	06	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC THUẬN	RP3	05	1	5		50	PSV	Vietnamese
21	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	60	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	59	1	5	60	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	19	131	1.402	15	15		
2	RP2	2	2	10	130	60	4		
TOTAL		22	21	141	1.532	75	19		
WEIGHT KG				141	1.532	75			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

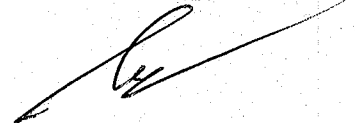
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	TO: P4 - AMD	CREW: QViệt - MTHAO - DTùng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	9	1	3		79	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT NGOC	P4	93	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	85	1	5		79	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH TRUNG	P4	96-97	2	16		74	D-HANH	Vietnamese
5	LÂM HOÀNG PHÚC	P4	98-99	2	10		100	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG DIỄN	P4	89	1	4		62	D-HANH	Vietnamese
7	PEREKRESTOV	P4	88	1	7		106	D-HANH	Russian
8	NGUYỄN HỮU VĂN	P4	92	1	7		71	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG THẮNG	P4					70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TUẤN MINH	P4	91	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN SĨ TOÀN	P4	90	1	7		67	CODIEN	Vietnamese
12	PHAN HỒNG TÂM	P4	86-87	2	14		59	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	95	1	5		65	KHI	Vietnamese
14	GERHARDUS DOUBELL	AMD	86	1	12	20	92	BAB - VSP	S.African
15	ĐÌNH XUÂN TOÀN	AMD	75-82	2	20		67	TECAPRO	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	AMD	83-85	3	16		60	TECAPRO	Vietnamese
17	PHẠM THE PHONG	AMD	69	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN HUU DANG	AMD	90-91	2	14		85	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN SACH DON	AMD	87-88	2	13		58	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	AMD	92-93	2	18	100	66	CODIEN	Vietnamese
21	HOANG QUỐC HUY	AMD	89	1	14		80	CODIEN	Vietnamese
22	LÊ NGỌC TÂN	AMD	73	1	15		63	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	13	15	88	972	0	0		
2	AMD	9	15	129	636	120	22		
TOTAL		22	30	217	1.608	120	22		
WEIGHT KG				217	1.608	120			

GRAND TOAL: 1.945 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	TO: P4 - CLO	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG	ETA: 11:30
NAU-2			

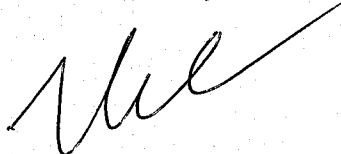
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	65	1	4		61	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG TRƯỞNG	P4	66	1	3	40	78	KHI	Vietnamese
3	HOÀNG THAI DƯƠNG	P4					75	KHI	Vietnamese
4	LÊ TRUNG LAM	P4	68	1	3		69	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MINH	P4	69	1	5		80	KHI	Vietnamese
6	PHAN NGỌC QUYẾT	P4	64	1	5		78	NIPI	Vietnamese
7	TRẦN KHOA TRƯỞNG	P4	67	1	8		75	NIPI	Vietnamese
8	BUI QUANG NINH	P4	70	1	5		67	YTE	Vietnamese
9	LÊ PHU PHÚC	CLO	09	1	8		80	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THUY	CLO	700	1	16		67	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐINH VĂN THIÊN	CLO	91-92	2	17		57	XAYLAP	Vietnamese
12	CAO VĂN GIÁP	CLO	98-99	2	11		81	XAYLAP	Vietnamese
13	HOÀNG BÀ ĐỨC	CLO	12	1	12	10	83	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC MINH	CLO	97	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HAI LINH	CLO	88	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
16	VÕ VĂN SƠN	CLO	95-96	2	18		53	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN BẢNG	CLO	94	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG TUẤN	CLO	93	1	13	10	80	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ CANH TÚ	CLO	90	1	6		58	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒ QUANG	CLO	89	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HIEN	CLO	11	1	12	20	84	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT DUNG	CLO	10	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

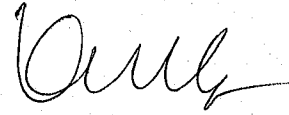
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	7	33	583	40	3		
2	CLO	14	17	169	995	40	0		
TOTAL		22	24	202	1.578	80	3		
WEIGHT KG				202	1.578	80			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 09	TO: CTC1 - RP2	CREW: VThắng - NPhú - Năm	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHALIMOV A.A	CTC1	67,72	2	16	40	85	KH-THAC	Russian
2	TRẦN ĐỨC KHANG	CTC1	69	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	65	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG ANH HÙNG	CTC1	70	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG XUÂN THANH	CTC1	64	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI SỸ HIỆU	CTC1	63	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠU HUY HOANG	CTC1	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẠO XUÂN THO	CTC1	68	1	7		70	GETRACO	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN KIEN	CTC1	71	1	5		56	GETRACO	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	69	1	14		67	KH-THAC	Vietnamese
11	VÕ HOÀNG CẨM	RP2	74	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA DUY	RP2	72	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	73	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH DŨNG	RP2	68	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG MẠNH	RP2	71	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SOÀI	RP2	70	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC VĂN	RP2	66	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN TÀI	RP2	75	1	3		77	GETRACO	Vietnamese
19	TRẦN VĂN VIỆT A	RP2	76	1	5		67	GETRACO	Vietnamese
20	ĐỒNG VĂN CƯỜNG	RP2	67	1	6		59	GETRACO	Vietnamese
21	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	RP2	64-65	2	12		65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

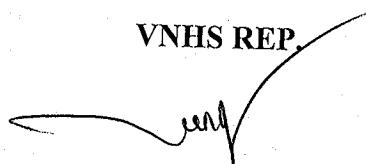
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	9	10	63	642	40	8		
2	RP2	12	13	89	804	0	13		
TOTAL		21	23	152	1.446	40	21		
WEIGHT KG				152	1.446	40			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

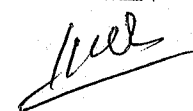
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:00
FLIGHT: 12	TO: TD2	CREW: Phuong - MMinh	ETA: 14:40
Xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN DUNG	TD2	17	1	11	84	67	ANTOAN	Vietnamese
2	TONG TIEN QUANG	TD2	22	1	15		75	DVL	Vietnamese
3	TRAN VAN MANH	TD2	26	1	10		70	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN MANH TRUONG	TD2	23	1	11		81	DVL	Vietnamese
5	LA MINH TU	TD2	24	1	13		60	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC SON	TD2	21	1	15		68	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN TRUONG SINH	TD2	25	1	8		73	DVL	Vietnamese
8	HOANG MANH HUNG	TD2	13	1	4		84	GETRACO	Vietnamese
9	VU THANH NHAT	TD2	16	1	8		80	GETRACO	Vietnamese
10	DINH ANH DUNG	TD2	14	1	4		76	GETRACO	Vietnamese
11	TRAN HUU THUONG	TD2	20	1	8		75	GETRACO	Vietnamese
12	VU TUAN ANH	TD2	19	1	5		67	GETRACO	Vietnamese
13	LE NGOC ANH	TD2	18	1	5		74	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG SON	TD2	15	1	5		65	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	14	14	122	1.015	84	14		THAO 2 GHE DOI DE CHO HANG
	TOTAL	14	14	122	1.015	84	14		
	WEIGHT KG			122	1.015	84			

GRAND TOAL: 1.221 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Fuel: 2150 kg (Minh)

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2021	TO: BK5 - PPD - RC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hồi - VLin - MQUÂN	ETA: 13:10
TRANG-3			

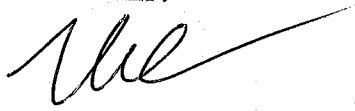
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO VĂN THANH	PPD	49	1	5		85	KHI	Vietnamese
2	TRINH CÔNG BÌNH	PPD	51	1	5		64	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THANH	PPD	99	1	6		65	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	54	1	5		68	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	PPD	56	1	4		72	KHI	Vietnamese
6	LÊ QUANG NINH	PPD					64	KHI	Vietnamese
7	VI ĐỨC TỰ	PPD	400	1	7		63	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN MỘNG LONG	PPD	06	1	14		71	KHI	Vietnamese
9	LÊ VĂN TIẾN	PPD	01	1	3		52	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NUÔI	PPD	53	1	7		53	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN NHẠC	PPD	48	1	7		70	KHI	Vietnamese
12	BUI VĂN TUÂN	PPD	05	1	6		75	KHI	Vietnamese
13	ĐO VĂN TUÂN	PPD	57	1	6		60	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NGHĨA	PPD	59-60	2	8		76	KHI	Vietnamese
15	ĐOAN THANH TRƯỞNG	PPD	61	1	6		50	KHI	Vietnamese
16	LÊ HUYỀN SÂM	PPD	52	1	10		63	KHI	Vietnamese
17	ĐINH MẠNH SƠN	PPD	58	1	7		63	KHI	Vietnamese
18	HUYNH NAM LONG	PPD	47	1	11		65	KHI	Vietnamese
19	BUI VĂN HÀ	PPD	50	1	5		66	KHI	Vietnamese
20	TẠ QUANG PHÚC	PPD	55	1	6		70	PSV	Vietnamese
21	LÊ TIẾN LỢI	PPD	03	1	7		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	0	0	0	0	0	0+1		CHUYỂN 1 PAX BK5 SANG PPD
2	PPD	21	21	135	1.383	0	8		
3	RC3	0	0	0	0	6	5		
TOTAL		21	21	135	1.383	6	13		
WEIGHT KG				135	1.383	6			

GRAND TOAL: 1.524 KGS

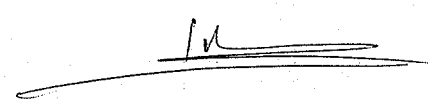
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	TO: TD2	CREW: MTiến - MTuấn	ETA: 14:30
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CHÍNH	TD2	61	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM THANH TÙNG	TD2	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG HIẾU	TD2	64	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
4	KỶ	TD2	66	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ QUANG THÔNG	TD2					70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TIẾN VINH	TD2	67	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUỐC TIẾN	TD2	62	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THÀNH NAM	TD2	63	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ DUY ĐỨC	TD2					63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD2	57-58	2	15		53	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	TD2	59	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
12	NÔNG MINH HẢI	TD2	53	1	11		77	CODIEN	Vietnamese
13	HÀ MẠNH HOÀNG	TD2	60	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
14	VUÔNG ĐỨC TRỌNG	TD2	54,56	2	12	20	72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

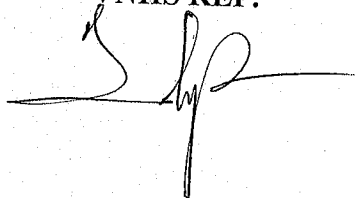
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	14	14	90	966	20	14		
	TOTAL	14	14	90	966	20	14		
	WEIGHT KG			90	966	20			

GRAND TOAL: 1.076 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

